

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-PT

Ngày 14-12-2022

V/v: "Tranh chấp thừa kế tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Quân và ông Nguyễn Hữu Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái: Ông Vũ Mạnh Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022, về "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị Kh, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn PC, xã ĐY, huyện BQ, tỉnh Hà Giang; có mặt.

+ Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Lê Văn H1, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị C, sinh năm 1958

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người làm chứng:

+ Ông Trần Hồng Q, sinh năm 1954

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái.

+ Ông Dương Văn Th, sinh năm 1946

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái.

+ Ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ 9, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái.

+ Ông Hoàng Vũ M, sinh năm 1955

Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái.

(Những người làm chứng đều vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Bà Lê Thị H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Cụ Lê Văn L và cụ Trần Thị H2 có năm người con là: Lê Thị Kh, Lê Thị Ng, Lê Văn T, Lê Văn H1 và Lê Thị H.

Cụ Lê Văn L chết năm 1997 không để lại di chúc, cụ H2 chết năm 2019.

Năm 1996, cụ Lê Văn L được Ủy ban nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái (viết tắt là UBND huyện LY) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 191 diện tích 144m² và thửa đất số 192 diện tích 430m² đều thuộc tờ bản đồ số 4 tại tổ 6 (đội 6 cũ) thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái. Sau khi cụ L chết, cụ Trần Thị H2 quản lý, sử dụng diện tích đất trên một thời gian thì giao lại cho bà Lê Thị H sử dụng. Năm 2002, một phần của thửa đất 191 và 192 bị thu hồi để làm đường giao thông, ông T nhận tiền bồi thường là 1.000.000 đồng.

Tất cả các đương sự thống nhất: Diện tích đất của thửa đất số 191 do ông H1 đang quản lý sử dụng trị giá 7.000.000 đồng và thửa đất số 192 do vợ chồng ông T đang quản lý sử dụng trị giá 8.000.000 đồng, không yêu cầu định giá tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản trên đất.

* *Ý kiến của nguyên đơn bà Lê Thị H:* Trước thời điểm đất bị thu hồi bà H và ông Lê Văn T thỏa thuận bằng miệng đổi đất cho nhau, ông T sử dụng thửa đất số 192, bà H sử dụng thửa đất trồng lúa khác của ông T. Đối với thửa đất 191, bà H và ông H1 mỗi người sử dụng một nửa: Bà H sử dụng phần đất hiện

đã bị thu hồi làm đường giao thông, còn ông H1 sử dụng phần đất như hiện tại ông H1 vẫn sử dụng.

Ngày 01/02/2004, cụ Trần Thị H2 lập giấy ủy quyền sử dụng, đất nhà ở, đất vườn, đất ruộng giao cho bà H sử dụng các diện tích cụ H2 đang sử dụng. Ngày 10/8/2009, cụ H2 lập di chúc là giấy ủy quyền thừa kế tài sản đất ở, đất vườn tạp, đất ruộng để lại phần đất ruộng, đất vườn tạp mà cụ H2 được hưởng cho bà H sử dụng trong đó có diện tích đất thuộc thửa 191 và 192. Do cụ H2 không biết chữ nên đã nhờ người khác viết hộ, nhưng bà H không biết là ai viết hộ cụ H2 và viết khi nào, ở đâu. Hiện tại thửa đất số 191 do ông H1 quản lý và sử dụng, còn thửa đất số 192 do vợ chồng ông T quản lý sử dụng.

Bà H xác định di sản thừa kế của cụ Lê Văn L và cụ Trần Thị H2, gồm: thửa đất số 191 do ông H1 đang quản lý sử dụng và thửa đất số 192 do vợ chồng ông T đang quản lý sử dụng. Bà H yêu cầu chia di sản thừa kế như sau:

- Chia thửa đất 191 làm 6 phần đất và bà H đề nghị được hưởng 02 phần. Chia thửa đất 192 làm 6 phần đất và bà H đề nghị được hưởng 02 phần. Bà H đề nghị được nhận hai phần đất ở mỗi thửa vì bà H nhận cả phần của cụ H2 được hưởng và đã có di chúc để lại cho bà H.

Bà H rút yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền bồi thường đất bị thu hồi của thửa đất 191, 192 mà ông T đã nhận là 1.000.000 đồng và diện tích đất 18,1m² (theo sơ đồ thửa đất của kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ) vì diện tích đất nhỏ giáp tường rào và đường giao thông nên không có khả năng canh tác.

** Ý kiến của bị đơn ông Lê Văn T:* Ông T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H chia diện tích thửa đất số 191 của ông H1 đang sử dụng vì diện tích đất này là của ông H1 không phải là di sản thừa kế của cụ L và cụ H2. Ông T đề nghị Tòa án chia theo pháp luật thửa đất số 192, ông T đề nghị được nhận quyền sử dụng thửa đất số 192 và trả tiền theo giá trị kỷ phần thừa kế của những thừa kế người khác. Ông T không có yêu cầu gì đối với phần công sức, giá trị cải tạo, quản lý trong quá trình sử dụng đất.

** Ý kiến của bà Lê Thị Ng và ông Lê Văn H1:* Về việc bà H yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất tại thửa số 191 ông H1 đang sử dụng, bà Ng và ông H1 không đồng ý vì diện tích đất này của ông H1, không phải là di sản thừa kế của cụ L, cụ H2. Bà Ng, ông H1 đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật thửa đất số 192, đồng ý để ông T được quyền sử dụng thửa đất số 192 và nhận giá trị kỷ phần bằng tiền.

** Ý kiến của bà Lê Thị Kh:* Bà Kh xác định di sản thừa kế của cụ L và cụ H2, gồm: Thửa đất số 191 ông H1 đang sử dụng và thửa đất số 192 ông T đang sử dụng. Bà Kh đề nghị chia thửa đất 191 và thửa số 192 theo hiện vật.

Bà Phạm Thị C thống nhất với ý kiến trình bày của ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Đ thống nhất với ý kiến trình bày của ông Lê Văn H1.

** Đối với giấy ủy quyền sử dụng đất nhà ở, đất vườn, đất ruộng đề ngày 01/02/2004 và giấy ủy quyền thừa kế tài sản: Đất ở, đất vườn tạp, đất ruộng đề ngày 10/8/2009 mà bà H đã giao nộp cho Tòa án, ông T và ông H1 không chấp*

nhận tính hợp pháp của các văn bản trên do cụ H2 không biết chữ và cũng không biết ai viết hộ.

- Những người làm chứng:

Ý kiến của ông Trần Hồng Q và ông Dương Văn Th: Đối với thửa đất số 191 giao cho cụ L và ông H1 từ năm 1994, mỗi người được giao một nửa. Phần đất do ông H1 sử dụng giáp với suối, còn một nửa phần đất do cụ L sử dụng giáp với đường đi. Sau khi cụ L chết phần đất được giao cho bà H sử dụng một thời gian thì bị thu hồi làm đường giao thông hiện chỉ còn một diện tích nhỏ đang trồng chuối giáp tường nhà ông Dương Văn Đ1. Còn phần đất của ông H1 vẫn sử dụng từ khi được giao đất cho đến nay.

Ý kiến ông Nguyễn Trọng T1: Ông T1 là Bí thư chi bộ tổ dân phố số 9 (nay là tổ 6) thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái từ năm 2004 đến năm 2015. Sau khi xem giấy ủy quyền sử dụng đất nhà ở, đất vườn, đất ruộng đề ngày 01/02/2004 và giấy ủy quyền thừa kế tài sản: Đất ở, đất vườn tạp, đất ruộng đề ngày 10/8/2009 mà bà H đã giao nộp cho Tòa án, ông T1 xác nhận là có viết nội dung xác nhận trong văn bản và ký tên nhưng ông T1 không có mặt tại thời điểm lập hai văn bản trên và cũng không biết cụ H2 nhờ ai viết hộ vì cụ H2 không biết chữ.

Ý kiến ông Hoàng Vũ M: Ông M2 làm Chủ tịch UBND thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái từ năm 2002 đến năm 2010. Đối với giấy ủy quyền thừa kế tài sản: Đất ở, đất vườn tạp, đất ruộng đề ngày 10/8/2009 mà bà H đã giao nộp cho Tòa án, ông M xác nhận là chữ ký của mình. Thời điểm đó công dân mang văn bản đến UBND thị trấn và thông qua cán bộ chuyên môn chuyển đến để xem xét, giải quyết, còn ông M không làm việc trực tiếp với công dân.

** Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định như sau:*

1. Thửa đất số 191 tờ Bản đồ số 04 tại tổ 06, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái hiện do ông H1 quản lý sử dụng, sau khi làm đường giao thông thửa đất 191 được chia thành 02 thửa, gồm:

Thửa 1: Diện tích 119,6m² (ông H1 đang sử dụng), có vị trí: Phía Đông Bắc và phía Đông Nam giáp đường giao thông; phía Tây Bắc giáp đất bà Lê Thị H; phía Tây Nam giáp đất ông Dương Văn Đ1. Tài sản trên đất trồng rau ngót.

Thửa 2: Diện tích 18,1m² (bà H đang sử dụng), có vị trí: Phía Đông Bắc giáp đường xóm; phía Tây Bắc giáp đường giao thông; phía Tây Nam giáp đất ông Dương Văn Đ1. Tài sản trên đất trồng chuối.

2. Thửa đất số 192 tờ Bản đồ số 04 tại tổ 06, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái hiện do ông Lê Văn T và bà Phạm Thị C quản lý sử dụng, có vị trí: Phía Đông Bắc giáp đất ông Lê Văn H1; phía Đông Nam và phía Tây Nam giáp đường giao thông; phía Tây Bắc giáp đất bà Lê Thị Ng và đất ông Lê Văn T. Tài sản trên đất trồng ngô (trồng được 03 tháng tuổi).

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định là 6.266.000 đồng do bà Lê Thị H đã nộp tạm ứng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái đã quyết định: Căn cứ các Điều 147, 157, 200, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 468, 609, 612, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự; các Điều 167, 179 của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

- Ông Lê Văn T được quyền sử dụng diện tích 150,5m² thuộc thửa đất số 192 tờ Bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 74 tờ Bản đồ số 2) tại tổ 6, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái; ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Kh, bà Lê Thị Ng, bà Lê Thị H, ông Lê Văn H1 mỗi người số tiền 1.600.000 đồng (*một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- Không chấp nhận yêu cầu chia diện tích 119,6m² tại tổ 6, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái.

2. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu sau của nguyên đơn:

- Đình chỉ xét xử yêu cầu chia diện tích đất 18,1m² tại tổ 6, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái, có vị trí: Phía Tây Bắc giáp đường giao thông, phía Đông Nam giáp đường xóm, phía Tây Nam giáp đất ông Dương Văn Đ1.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu chia số tiền bồi thường đất bị thu hồi làm đường giao thông là 1.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí; tuyên lỗi suất chậm trả, hướng dẫn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Ngày 06-10-2022, bà Lê Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

1. Phân chia đều lại tài sản thừa kế. Không đồng ý cho ông Lê Văn T được quyền sử dụng diện tích 150m², thuộc thửa đất 74, tờ Bản đồ số 2;

2. Buộc ông T phải trả tiền theo đúng giá trị kinh tế đất ở tại thời điểm hiện tại năm 2022.

3. Không đồng ý phần 1 trong quyết định tại bản án sơ thẩm. Yêu cầu chia đều mảnh đất có diện tích 119,6m² cho 5 người theo giá trị đất hiện tại năm 2022.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo bà Lê Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo: Phân chia đều lại tài sản thừa kế, không đồng ý cho ông Lê Văn T được quyền sử dụng diện tích 150m², thuộc thửa đất 74, tờ Bản đồ số 2; Buộc ông T phải trả tiền theo đúng giá trị kinh tế đất ở tại thời điểm hiện tại năm 2022.

Bà H rút yêu cầu kháng cáo đối với thửa đất số 191, diện tích 119,6m² hiện ông Lê Văn H1 đang quản lý sử dụng.

Bà Lê Thị Kh nhất trí với ý kiến của bà Lê Thị H.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đương sự có kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên;

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Lê Thị H trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái đã xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản" là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn (ông Lê Văn T); những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Lê Thị Ng, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị Đ, bà Phạm Thị C) đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

Về hàng thừa kế: Các đương sự đều thống nhất xác định hàng thừa kế của cụ L và cụ H2 gồm 5 người con của hai cụ là: Lê Thị Kh, Lê Thị Ng, Lê Văn T, Lê Văn H1 và Lê Thị H là phù hợp với Điều 651 của Bộ luật Dân sự.

Về di sản thừa kế:

- Đối với thừa số 192, căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được, phù hợp với lời khai thống nhất của tất cả các đương sự, đủ cơ sở xác định là tài sản do cụ H2 và cụ L tạo lập, đã được Ủy ban nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 mang tên ông Lê Văn L, nên thừa số 192 là di sản thừa kế của cụ H2 và cụ L.

- Đối với thừa 191 (ông H1 đang quản lý, sử dụng): Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và lời khai của những người làm chứng (ông Trần Hồng Q và ông Dương Văn Th), đủ cơ sở xác định: Thừa 191, ông H1 được giao từ

năm 1994, không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ L, không phải tài sản do cụ L và cụ H2 tạo lập khi còn sống. Diện tích đất tại thửa số 191 giao cho cụ L, sau khi Nhà nước thu hồi làm đường giao thông thì chỉ còn 18,1m² (bà H đang sử dụng).

Cụ L chết không có di chúc nên di sản của cụ L được chia theo pháp luật.

Đối với giấy ủy quyền sử dụng đất nhà ở, đất vườn, đất ruộng đề ngày 01/02/2004 và giấy ủy quyền thừa kế tài sản: Đất ở, đất vườn tạp, đất ruộng đề ngày 10/8/2009 mà bà H đã giao nộp cho Tòa án.

Theo Điều 655 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (có hiệu lực tại thời điểm lập di chúc), di chúc bằng văn bản không có người làm chứng thì *người lập di chúc phải tự viết và ký vào bản di chúc*, nhưng đối với di chúc của cụ H2 do bà H giao nộp không được ông Tvà ông H1 công nhận; bà H cũng thừa nhận cụ H2 không biết chữ nên đã nhờ người khác viết hộ, nhưng bà H không biết là ai viết hộ cụ H2 và viết khi nào, ở đâu.

Theo khoản 1 Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2005: *Người lập di chúc tuyên bố nội dung của di chúc trước người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã*, nhưng đối với di chúc của cụ H2 do ông Hoàng Vũ M (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã YT) khi xác nhận vào di chúc đã không làm việc trực tiếp với cụ H2. Do đó, di chúc của cụ H2 do bà H giao nộp không phát sinh hiệu lực pháp luật do không tuân thủ pháp luật về việc lập di chúc, vì vậy di sản của cụ H2 được chia theo pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với thửa đất số 192, diện tích 150,5m²:

- Về giá trị của di sản thừa kế: Theo khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *Đương sự có quyền cung cấp giá tài sản đang tranh chấp; thỏa thuận về giá tài sản đang tranh chấp*. Tại cấp sơ thẩm bà Lê Thị H cung cấp giá trị của di sản thừa kế và đã thống nhất với tất cả các đương sự về giá trị của di sản thừa kế, không yêu cầu định giá; thỏa thuận về giá trị của di sản do các đương sự thống nhất tại cấp sơ thẩm đã phù hợp với quy định của pháp luật, được sử dụng làm căn cứ pháp lý cho việc giải quyết vụ án, nên kháng cáo của bà H về giá trị di sản thừa kế là không có cơ sở chấp nhận.

- Về yêu cầu chia di sản bằng hiện vật: Theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Yên Bái thì *diện tích tối thiểu của thửa đất mới và diện tích còn lại của thửa đất sau khi tách thửa đối với đất trồng lúa phải bằng hoặc lớn hơn 150m²*. Do vậy đối với thửa 192 có diện tích 150,5m² thì không thể chia hiện vật cho các đương sự;

- Về việc không đồng ý cho ông T sử dụng 150,5m² đất tại thửa 192: Xét thấy, vợ chồng ông T có công cải tạo, san lấp mặt bằng để trồng cây lương thực, hoa màu và không có yêu cầu gì đối với phần công sức, giá trị cải tạo, quản lý trong quá trình sử dụng đất khi giải quyết vụ án. Nay ông T có nguyện vọng được tiếp tục sử dụng. Qua xác minh, lời khai của người làm chứng và sự thừa nhận của các đương sự thì thửa đất trên đã được ông T sử dụng ổn định từ

lâu và có công cải tạo nên giao cho ông T được quyền sử dụng là phù hợp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông T được sử dụng di sản của cụ L và cụ H2 là thửa đất số 192 trị giá 8.000.000 đồng; ông T có trách nhiệm thanh toán kỹ phần cho các đồng thừa kế là bà Lê Thị Kh, bà Lê Thị Ng, bà Lê Thị H, ông Lê Văn H1 mỗi người số tiền 1.600.000 đồng (*một triệu sáu trăm nghìn đồng*) là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái.

[4] Về kháng cáo của bà Lê Thị H đối với thửa đất số 191 diện tích đất 119m²: Do tại phiên tòa phúc thẩm bà H rút kháng cáo nên căn cứ khoản 3 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị H không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148; khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 468, 609, 612, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 167 và Điều 179 của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của bà Lê Thị H đối với đối với thửa đất số 191, diện tích 119,6m² (hiện ông Lê Văn H1 đang quản lý sử dụng). Quyết định của Bản án sơ thẩm đối với thửa đất số 191, diện tích 119,6m² có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái, như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

- Ông Lê Văn T được quyền sử dụng diện tích 150,5m² thuộc thửa đất số 192 tờ Bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 74, tờ Bản đồ số 2) tại tổ 6 thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái, có vị trí:

Phía Đông Bắc giáp đất của ông Lê Văn H1; phía Đông Nam giáp đường giao thông; phía Tây Nam giáp đường giao thông; phía Tây Bắc giáp đất của bà Lê Thị Ng và đất của ông Lê Văn T (*có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo*).

- Ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Kh, bà Lê Thị Ng, bà Lê Thị H, ông Lê Văn H1 mỗi người số tiền 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng).

2.2. Không chấp nhận yêu cầu chia diện tích 119,6m² tại tổ 6, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái.

2.3. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu sau của nguyên đơn:

- Đình chỉ xét xử yêu cầu chia diện tích đất 18,1m² tại tổ 6, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái. Có vị trí: Phía Tây Bắc giáp đường giao thông, phía Đông Nam giáp đường xóm, phía Tây Nam giáp đất ông Dương Văn Đ1.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu chia số tiền bồi thường đất bị thu hồi làm đường giao thông là 1.000.000 đồng.

2.4. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị Kh, bà Lê Thị Ng, ông Lê Văn T, ông Lê Văn H1 mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 746.600 đồng (bảy trăm bốn mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng).

2.5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.6. Về án phí:

- Bà Lê Thị H phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0002223 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LY, tỉnh Yên Bái. Bà H còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Văn H1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Văn T, bà Lê Thị Kh, bà Lê Thị Ng được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0002492 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LY, tỉnh Yên Bái (bà H đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT2-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện LY;

(Đã ký)

- Chi cục THA DS huyện LY;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân